TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** --- Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST Ngày: 30/9/2019 *V/v: Ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ **Ông Dương Xuân Đính.**

2/ **Bà Hoàng Thị Hòa.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Hoàng Thu Thảo.**

Cán bộ Toà án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên toà*:**

Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 377/2019/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc "L*y hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXX ngày 29/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2019. Giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn:*** **Anh Nguyễn Hữu H -** Sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt tại phiên tòa.

*2. **Bị đơn:*** **Chị Trần Thị T -** Sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019, các lời khai bổ sung tại Tòa án, Anh Nguyễn Hữu H - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Anh và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn ngày 23/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng đầu, sau đó chị T thường xuyên bỏ nhà đi vài ngày lại về và xin lỗi, anh đã nhiều lần bỏ qua và tha thứ cho chị T. Hai bên gia đình và bản thân anh cũng đều đã khuyên giải chị T nhiều lần nhưng chị T vẫn không thay đổi. Từ đó mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng.

Khoảng đầu năm 2018 anh phát hiện chị T có quan hệ ngoại tình với một người đàn ông khác và chị T đã bỏ nhà đi từ ngày 15/01/2018, và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Ngày 22/5/2018 anh đã nộp đơn xin ly hôn đối với chị T tại Tòa án lần thứ nhất, sau khi được Tòa án phân tích giải thích, hòa giải anh đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Đến ngày 13/6/2019 chị T về nhà, sau khi anh đề cập vấn đề ly hôn thì chị T lại bỏ nhà đi luôn, đến ngày 15/6/2019 anh đã đi tìm chị T và đã gặp chị T tại phố T, phường Q, quận B, Hà Nội, anh yêu cầu chị T về nhà nhưng chị T không về và lại bỏ đi luôn. Đến khoảng cuối tháng 7/2019 chị T lại về nhà xong lại bỏ đi tiếp, từ đó cho đến nay anh không biết chị Th ở đâu và làm gì.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng và kéo dài, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh H và chị T không có con chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Chị Trần Thị T - Bị đơn**:

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh H và chị T chung sống, UBND xã H cung cấp: Chị Trần Thị T có Hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại thôn C, xã H, huyện Đ, Hà Nội. Chị T hay bỏ nhà đi vài ngày, sau lại về nhà. Hiện nay chị T đã bỏ nhà đi từ khoảng cuối tháng 7/2019 cho đến nay. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập chị T đến Tòa án nhiều lần, chị T không đến. Do đó không có lời khai của chị T.

Tại phiên tòa:

+ Anh Nguyễn Hữu H trình bày: Anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị Trần Thị T vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai.

Về con chung: Anh H và chị T không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị Trần Thị T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa chị T vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì, bị đơn không chấp hành pháp luật, cố tình chống đối, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của anh H tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy anh Nguyễn Hữu H và chị Trần Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Anh, chị kết hôn từ ngày 23/11/2015, ngay sau khi kết hôn một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính cách, chị T thường hay bỏ nhà đi dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa anh, chị không giải quyết được, hiện tại anh chị đã sống ly thân.

Mẹ đẻ anh H là bà Nguyễn Thị Th cùng chính quyền địa phương cũng xác nhận anh chị có mâu thuẫn từ ngay sau khi kết hôn xong do anh chị không hợp nhau, thường hay bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không có tình cảm thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn căng thẳng thì chị T thỉnh thoảng đã bỏ nhà đi vài ngày xong lại về nhà và chị T đã bỏ nhà đi từ khoảng cuối tháng 7/2019 cho đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh H và chị T không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu H đối với chị Trần Thị T.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Hữu H và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2015 quyển số 01/2015 ngày 23/11/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh H có đơn xin ly hôn với chị T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn".

[1.2] Chị Trần Thị T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Chị T thường vắng mặt tại địa phương nên không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa chị T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Anh Nguyễn Hữu H và chị Trần Thị T sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra chị T thường xuyên bỏ nhà đi vài ngày rồi lại quay về. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Từ khoảng cuối tháng 7/2019 chị T lại tiếp tục bỏ nhà đi, hiện nay không ai biết chị T ở đâu.

Theo cung cấp của gia đình và chính quyền địa phương thì anh H và chị T lấy nhau hoàn toàn là tự nguyện và không bị ép buộc, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ ngay sau khi kết hôn được một thời gian ngắn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn do chị T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên bỏ đi khỏi nhà vài ngày rồi lại về xin lỗi, anh H và gia đình đã cho chị T cơ hội nhiều lần, xong chị T vẫn bỏ nhà đi, từ đó dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau và cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai.

Theo cung cấp của Công an phường Q, quận B, Thành phố Hà Nội thì hiện nay trên địa bàn phường Q không có ai tên là Trần Thị T sinh năm 1988 khai báo tạm trú hay sinh sống trên địa bàn phường.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị T là có thực, thời gian anh chị sống chung không nhiều, anh chị đã sống ly thân đã lâu, anh chị không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc anh H xin ly hôn chị T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị T không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu H.

Anh Nguyễn Hữu H được ly hôn chị Trần Thị T.

2. Về con chung**:** Xác nhận anh Nguyễn Hữu H và chị Trần Thị T không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008703 ngày 12/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Anh Nguyễn Hữu H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh;
- THA H. Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã H, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.